TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02/6/2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trương Thị Thùy Trang
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Phạm Văn Hùng
2. Ông Hồ Viết Ân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thái Học, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 544/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông Dương Đức T, sinh năm: 1970
HKTT: ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
Nơi cư trú: tổ A, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn*: bà Bùi Thị Kim X, sinh năm: 1977
HKTT: ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
Nơi cư trú: tổ A, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
+ Bà Lý Thị T1, sinh năm: 1959
HKTT và nơi cư trú: tổ D, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1958
HKTT: ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
Nơi cư trú: tổ D, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T, bà X, bà T1 và bà B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng

mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai đối chất, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Dương Đức T trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, ông Dương Đức T và bà Bùi Thị Kim X kết hôn với nhau và có đăng ký tại UBND xã Y, huyện X (nay là huyện C), tỉnh Đồng Nai vào ngày 19/9/1996. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt và nuôi dạy con cái, nên thường xuyên cải vã, dẫn đến tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2020 nên ông đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà Bùi Thị Kim X.

Về con chung: ông bà có 03 người con chung là Dương Hoàng Y, sinh ngày 20/7/1998, Dương Hoàng Thùy L, sinh ngày 30/9/2000, đều đã trưởng thành và có việc làm ổn định. Riêng con chung là cháu Dương Gia B1, sinh ngày 02/9/2014 đang sống cùng ông. Nay ông yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Gia B1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay tiền để làm nhà vào năm 2020 của bà Lý Thị T1, cư trú tại ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai số tiền 40.000.000 đồng và vay của bà Nguyễn Thị B, cư trú tại ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai số tiền 100.000.000 đồng, đã trả được 50.000.000 đồng. Hiện ông bà đã tự thỏa thuận với bà T1 và bà B về việc trả số nợ trên và Bà T1 cùng bà B cũng không ai yêu cầu ông bà trả nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản lấy lời khai đối chất và biên bản hòa giải bị đơn bà Bùi Thị Kim X trình bày: Bà thống nhất với trình bày của ông T về quá trình hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn, do cuộc sống chung vợ chồng có nhiều bất đồng nên thường xuyên cãi vã và vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay không còn tình cảm nên bà X đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: bà X thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông T. Các con chung là Dương Hoàng Y và Dương Hoàng Thùy L đều đã trưởng thành và có việc làm ổn định nên không yêu cầu giải quyết. Riêng con chung là cháu Dương Gia B1, sinh ngày 02/9/2014 bà đồng ý giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: bà thống nhất với lời trình bày của ông T và do không ai yêu cầu, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị T1 trình bày: Vào ngày 21/6/2020 bà có cho vợ chồng ông T và bà X vay số tiền 40.000.000 đồng để làm nhà, có viết giấy vay tiền. Nay ông T và bà X ly hôn, bà không yêu cầu về việc trả nợ, việc thanh toán khoản nợ trên giữa bà và vợ chồng ông T, bà X sẽ tự thỏa thuận giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày: Vào ngày 15/9/2021 (âm lịch) bà có cho vợ chồng ông T và bà X vay số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ tiền làm nhà vào năm 2020, có viết giấy vay tiền, đến ngày 02/9/2022 (âm lịch) bà X và ông T đã trả 50.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 50.000.000 đồng. Nay ông T và bà X ly hôn, bà không yêu cầu về việc trả nợ, việc thanh toán khoản nợ trên giữa bà và vợ chồng ông T, bà X sẽ tự thỏa thuận giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về đường lối giải quyết: áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 87, 89, 90, 91, 92, 93 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông Dương Đức T và bà Bùi Thị Kim X ly hôn; về con chung: giao cháu Dương Gia B1, sinh ngày 02/9/2014 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà X không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết; về nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí sơ thẩm: theo quy định pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Dương Đức T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với bà Bùi Thị Kim X. Bà X có nơi cư trú tại ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Đức T và bà Bùi Thị Kim X tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện X (nay là huyện C), tỉnh Đồng Nai vào ngày 19/9/1996 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Ông T và bà X chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông bà là do vợ chồng bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày và nuôi dạy con cái, không còn tin tưởng nhau và thường xuyên xảy ra nhiều cãi vã, ông bà đã sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay, nên ông bà thống nhất ly hôn. Từ lời trình bày của ông bà, Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà X đã thực sự trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông T là có cơ sở nên chấp nhận.

- Về con chung: Ông T và bà X đều trình bày thống nhất giao con chung là cháu Dương Gia B1, sinh ngày 02/9/2014 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chấp nhận.

Đối với các cháu Dương Hoàng Y, sinh ngày 20/7/1998 và cháu Dương Hoàng Thùy L, sinh ngày 30/9/2000, hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, nên không xem xét.

- Về tài sản chung: ông bà tự thoả thuận và không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

- Về nợ chung: các đương sự không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào các điều 5, 6 và 7 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Đức T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Đức T được ly hôn với bà Bùi Thị Kim X.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Dương Gia B1, sinh ngày 02/9/2014 cho ông Dương Đức T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời bà Bùi Thị Kim X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà X được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: ông Dương Đức T phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng ông T đã nộp sang án phí, theo biên lai thu tiền số 0001735 ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Nai. Ông T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã X, h Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thùy Trang